FLYERS PRACTICE 12

I. Fill in the blank

~~happened~~	fridge	cooker	oven
slowly	supermarket	upstairs	wood
biscuits	spoon	speak	flour
believe	mixed	empty	disappeared

I want to tell you what (0) **happened** yesterday! I made some **(1)** _____for the family. In the morning I went to the **(2)** _____with my mum and we bought butter, eggs, sugar, **(3)**_____ and strawberry jam. When I got home, I turned the **(4)**_____on so it got hot and I got a big bowl from the shelf in the kitchen.

Next I **(5)**_____ the sugar and the soft butter together with a large **(6)**_____. It wasn't a metal spoon. It was made of **(7)** _____. I added the eggs very **(8)**_____and after that I mixed in the flour. I left the biscuit mix in the **(9)** _____for half an hour.

LIVEWORKSHEETS

Then I cut the biscuits into star shapes and cooked them in the (10)_____ for about fifteen minutes. I put them on a plate near the cooker to go cold.
I went (11)_____ to get my diary and write about my biscuits. When I went back into the kitchen the plate was (12) _____. All those biscuits (13)_____! Can you (14)_____ that? I didn't have any. I didn't (15)_____ to anyone all evening!

II. Write

LIVEWORKSHEETS

III. Translate (using be going to)

1. Mẹ của tôi **định mua** 1 ít táo vào ngày mai.

→ _____

2. Tôi **định đi bơi** cùng với bạn của tôi vào tuần tới.

→ _____

LIVEWORKSHEETS

3. Những người bạn của tôi **định có** 1 bữa tiệc vào tối nay.

→ _____

4. Ba của tôi **không định mua** 1 căn nhà năm này.

→ _____

5. Tôi **không định đi du lịch** với gia đình của mình vào mùa hè này.

→ _____

6. Họ **không định xem phim** ở rạp chiếu phim vào ngày mai

→ _____

IV. Answer these questions

	1. What are you going to wear for the party tonight? → _____

LIVEWORKSHEETS

	2. *What are you going to do tomorrow?* →_____
	3. *Where are you going to travel next year?* →_____
	4. *Why are you going to stay at home tonight?* →_____

V. Choose " be going to" or "will"

1. **Diễn tả 1 lời hứa**_____

2. **Diễn tả 1 việc đã lên kế hoạch, có sự chuẩn bị**_____

3. **Diễn tả 1 quyết định ngay lúc nói**_____

LIVEWORKSHEETS

4. **Diễn tả 1 lời dự đoán không có cơ sở_____**

5. **Diễn tả 1 suy luận hợp logic_____**

VI. Write is going to/ am going to/ are going to/ will

1. I bought 2 tickets. I _____ watch a movie at the cinema with my friends tonight.

2. A: Can you help me? It's very heavy.
   B: OK! I _____help you.

3. I guess I _____come home late tonight.

4. Look at the dark clouds. It _____ rain.

5. I am sorry, I promise I _____get up early tomorrow.

LIVEWORKSHEETS

6. He doesn't go to school on Sunday, so he _____ visit his grandma this weekend.

7. They are wearing sneakers, they _____play basketball.

8. I think my dad _____go home at 10pm.

9. A: I don't have a pen.
B: I _____give you my pen.

10. Do you want to go out with me tonight?
B: I am sorry, I can't because I _____do my homework.

VII. Listen

LIVEWORKSHEETS

1 What's William going to do tomorrow? Listen and number five of the pictures.

----------THE END----------

LIVEWORKSHEETS